

# **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt

Ngày 31 tháng 12 năm 2015





# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt	1 - 2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tóm tắt	7 - 8

589-E  
ÁNH  
TY  
M HỮU H  
YOUN  
NAM  
NỘI  
TÍP



Số tham chiếu: 60755035/18018303-BCTTHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 03 đến trang 08, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ("Ngân hàng") và công ty con. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có đoạn trình bày vấn đề cần nhấn mạnh về chính sách giãn trích lập dự phòng đối với một số khoản nợ và trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành theo Công văn số 1172/NHNN-TTGSNH.m ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các vấn đề khác về việc sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Mê Kông ("MDB") vào Ngân hàng và mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam ("TFC") đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 30 tháng 03 năm 2016. Báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng**

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt cho mục đích công khai báo cáo tài chính theo quy định tại Khoản 11, Điều 1 Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

卷之三

卷之三



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng và công ty con đã được kiểm toán - đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và phù hợp với quy định tại Khoản 11, Điều 1 Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



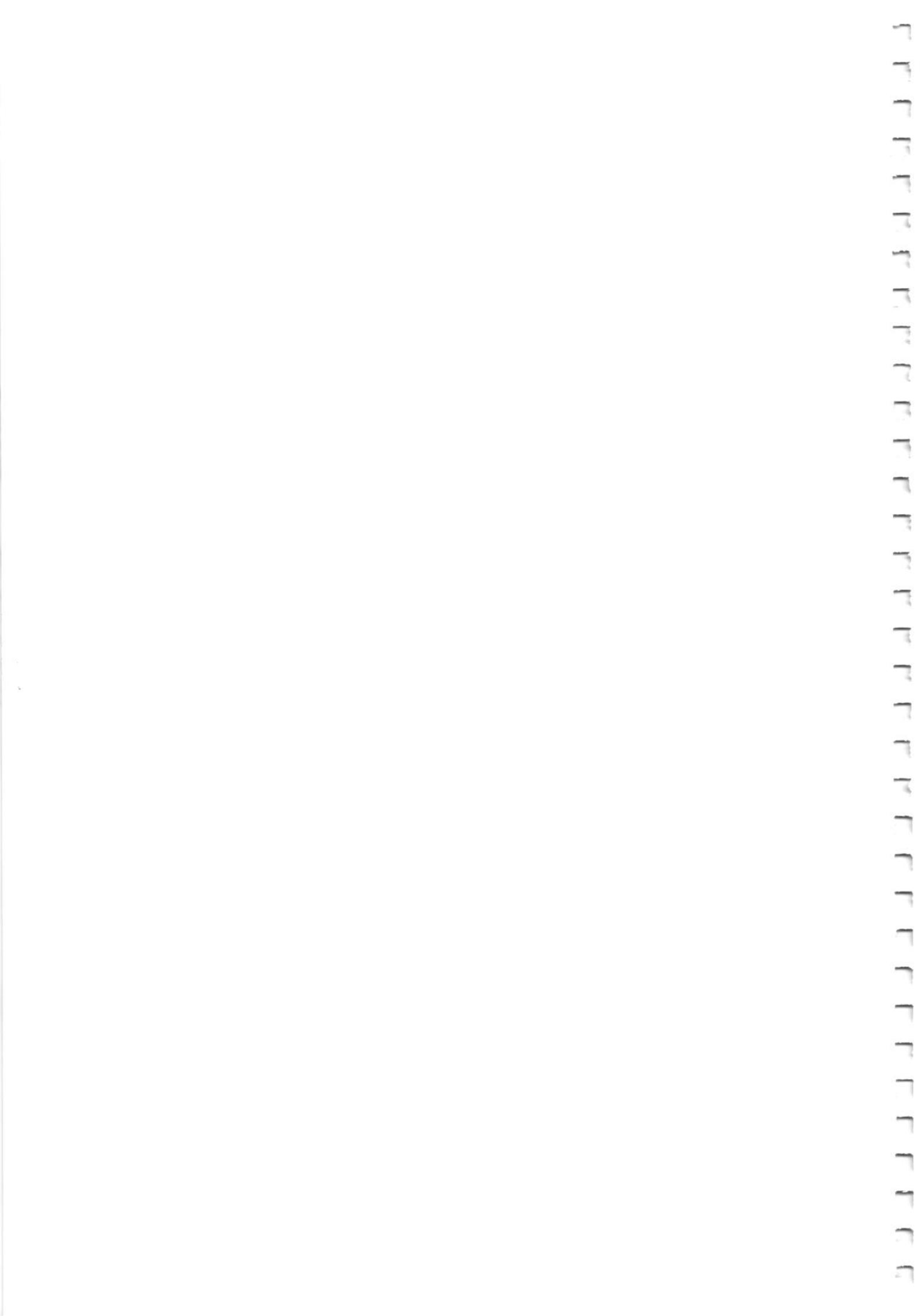
Saman Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

*[Handwritten signature]*

Hoàng Thị Hồng Minh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	31/12/2015 triệu đồng	31/12/2014 triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.529.021	1.178.113
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.212.421	2.751.518
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	11.455.737	16.005.178
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	3.480.252	3.780.026
Cho vay các TCTD khác	8.085.210	12.332.742
Dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	(109.725)	(107.590)
Chứng khoán kinh doanh	117.063	161.202
Chứng khoán kinh doanh	196.922	200.896
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(79.859)	(39.694)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
Cho vay khách hàng	27.490.168	22.966.507
Cho vay khách hàng	28.091.320	23.509.425
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(601.152)	(542.918)
Hoạt động mua nợ	43.965	1.861.309
Mua nợ	49.863	1.887.957
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(5.898)	(26.648)
Chứng khoán đầu tư	48.901.341	40.958.728
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	39.092.073	37.641.184
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.283.551	3.952.524
Dự phòng chứng khoán đầu tư	(474.283)	(634.980)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	9.251	358.406
Đầu tư dài hạn khác	9.251	360.225
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(1.819)
Tài sản cố định	823.094	761.082
Tài sản cố định hữu hình	202.244	205.491
Nguyên giá tài sản cố định	602.696	455.873
Hao mòn tài sản cố định	(400.452)	(250.382)
Tài sản cố định thuê tài chính	276.544	283.175
Nguyên giá tài sản cố định	312.780	312.780
Hao mòn tài sản cố định	(36.236)	(29.605)
Tài sản cố định vô hình	344.306	272.416
Nguyên giá tài sản cố định	523.185	372.345
Hao mòn tài sản cố định	(178.879)	(99.929)
Bất động sản đầu tư	955.502	977.292
Nguyên giá bất động sản đầu tư	1.057.948	1.057.948
Hao mòn bất động sản đầu tư	(102.446)	(80.656)
Tài sản có khác	10.773.713	16.389.406
Các khoản phải thu	4.462.892	11.454.134
Các khoản lãi, phí phải thu	3.069.951	4.246.488
Các khoản phải thu NSNN	49.560	49.044
Tài sản Có khác	3.302.658	774.172
Trong đó: Lợi thế thương mại	94.982	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(111.348)	(134.432)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>104.311.276</b>	<b>104.368.741</b>



BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	31/12/2015 triệu đồng	31/12/2014 triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	<b>5.027.470</b>	<b>42.311</b>
Tiền gửi và vay các TCTD khác	<b>17.399.382</b>	<b>25.495.893</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	4.253.611	7.027.513
Vay các TCTD khác	13.145.771	18.468.380
Tiền gửi của khách hàng	<b>62.615.688</b>	<b>63.218.853</b>
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	<b>163.899</b>	<b>87.017</b>
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	<b>137.000</b>	<b>137.000</b>
Phát hành giấy tờ có giá	<b>3.297.331</b>	<b>3.655.000</b>
Các khoản nợ khác	<b>2.054.257</b>	<b>2.286.984</b>
Các khoản lãi, phí phải trả	1.247.205	1.530.966
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	6.944	8.552
Các khoản phải trả và công nợ khác	800.108	742.844
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	-	4.622
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>90.695.027</b>	<b>94.923.058</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
Vốn của TCTD	<b>12.035.628</b>	<b>8.286.095</b>
Vốn điều lệ	11.750.000	8.000.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	608	607
Thặng dư vốn cổ phần	400.000	400.000
Cổ phiếu quỹ	(114.980)	(114.512)
Quỹ của TCTD	<b>643.915</b>	<b>489.909</b>
Lợi nhuận chưa phân phối	<b>936.706</b>	<b>669.679</b>
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>13.616.249</b>	<b>9.445.683</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>104.311.276</b>	<b>104.368.741</b>

$\int_0^T \|\phi(s)\|_{L^\infty} ds < +\infty$

$\|u\|_{L^\infty(\Omega)}$

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	31/12/2015 triệu đồng	31/12/2014 triệu đồng
Cam kết bảo lãnh vay vốn	10.000	-
Cam kết giao dịch hồi đoái	36.942.071	57.847.956
Cam kết cho vay không hủy ngang	-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	488.373	558.563
Bảo lãnh khác	2.012.862	1.781.913
Các cam kết khác	195.100	1.706.906
	<b>39.648.406</b>	<b>61.895.338</b>

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung  
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Văn Anh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Huỳnh Bửu Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

2000-08-08

2000-08-08

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	2015 triệu đồng	2014 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.191.710	9.136.495
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(7.604.795)	(7.963.094)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>1.586.915</b>	<b>1.173.401</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	186.456	171.608
Chi phí hoạt động dịch vụ	(147.812)	(115.740)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>38.644</b>	<b>55.868</b>
(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(70.925)	(15.311)
<b>Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>(46.068)</b>	<b>9.700</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>561.362</b>	<b>635.084</b>
Thu nhập từ hoạt động khác	443.322	468.257
Chi phí hoạt động khác	(161.960)	(242.412)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>281.362</b>	<b>225.845</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>142.435</b>	<b>91.493</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	<b>2.493.725</b>	<b>2.176.080</b>
Chi phí nhân viên	(776.687)	(585.053)
Chi phí khấu khao và khấu trừ	(125.740)	(118.703)
Chi phí hoạt động khác	(906.431)	(548.639)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(1.808.858)</b>	<b>(1.252.395)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>684.867</b>	<b>923.685</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.286.327)	(2.617.097)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	759.492	1.855.436
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>158.032</b>	<b>162.024</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(41.758)	(19.268)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>(41.758)</b>	<b>(19.268)</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>116.274</b>	<b>142.756</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)</b>	<b>100</b>	<b>180</b>

Người lập:

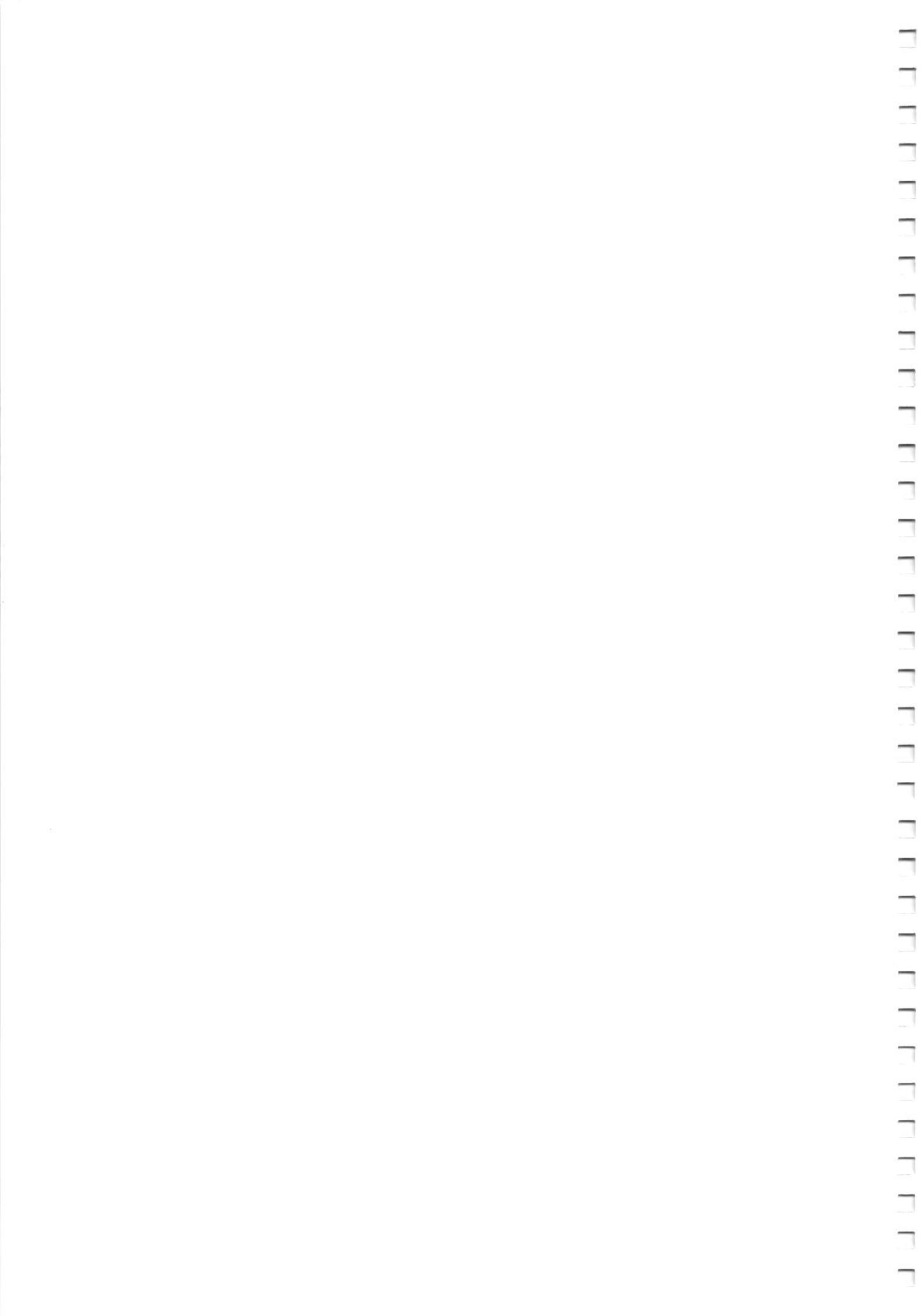
Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung  
Kế toán viênBà Nguyễn Văn Anh  
Kế toán TrưởngÔng Huỳnh Bửu Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016





**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TÓM TẮT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	2015 triệu đồng	2014 triệu đồng
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	10.638.934	9.161.783
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(7.916.567)	(8.046.837)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	38.645	55.867
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	512.301	849.765
Chi phí khác	(810.668)	(165.903)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	166.899	22.526
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.265.108)	(946.980)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(51.879)	(111.267)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>	<b>1.312.557</b>	<b>818.954</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>	<b>5.553.549</b>	<b>2.361.112</b>
Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	5.279.130	7.032.089
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(4.625.179)	(3.911.351)
Giảm/(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	-	48.112
(Tăng) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn	562.273	(1.380.768)
Giảm khác về tài sản hoạt động	(549.028)	(540.991)
	4.886.353	1.114.021
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>	<b>(7.436.165)</b>	<b>(2.701.845)</b>
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	4.985.160	(601.878)
(Giảm)/Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(9.824.014)	1.097.910
(Giảm) tiền gửi của khách hàng	(2.126.348)	(2.272.848)
(Giảm)/Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(357.669)	859.998
(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(2.751)	(4.402)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	76.882	87.017
(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(184.927)	(1.863.039)
Chi từ các quỹ của TCTD	(2.498)	(4.603)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>	<b>(570.059)</b>	<b>478.221</b>
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Mua sắm tài sản cố định	(17.388)	(31.125)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	6.474	127.707
Mua sắm bất động sản đầu tư	-	(30)
Tiền thu/chi từ đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	18.023	24.159
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	72.260	86.001
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>	<b>79.369</b>	<b>206.712</b>

$\rho^2 \alpha \cdot \beta \epsilon \log t = o(1)$

$\mathcal{O}(\log t)$

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	2015 triệu đồng	2014 triệu đồng
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỰ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(72)	(73)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ	(419)	(66.581)
<b>Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính</b>	<b>(491)</b>	<b>(66.654)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(491.181)</b>	<b>618.279</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>7.493.427</b>	<b>6.875.148</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>7.002.246</b>	<b>7.493.427</b>

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung  
Kế toán viên

Bà Nguyễn Văn Anh  
Kế toán Trưởng

Ông Huỳnh Bửu Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

